TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 195/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2025
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thái và bà Nguyễn Thị Thu HIền

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ, ngày11 tháng 03 năm 2025, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 915/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ:Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Lê Hữu T1, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ:Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy Tr trình bày: Giữa chị với Lê Hữu T1 tự tìm hiểu thời gian và kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph1. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng có những bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T1 thường xuyên uống rượu về chửi bới xúc phạm chị nhiều lần, anh T1 có lúc cầm dao đe dọa chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị xảy ra nhiều lần, chị báo chính quyền hòa giải, UBND xã đã gọi anh T1 đến hòa giải nhưng sau đó vẫn chứng nào tật

nấy, các con chị đã lớn cũng không có ý kiến gì mà nói nếu ba mẹ không sống được thì ly hôn. Nay chị không chịu đựng nữa nên yêu cầu cho chị ly hôn anh T1. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Lê Hồng D, sinh ngày 01/10/2001, Lê Diễm M, sinh ngày 11-01-2009, hiện cháu D đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu M đang ở cùng vợ chồng chị. Nay ly hôn chị xin nuôi cháu M, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị Tr không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Lê Hữu T1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Tr ly hôn với anh T1.Về quan hệ nuôi con chung: Chị Tr và anh T1 có 02 con chung tên là Lê Hồng D, sinh ngày 01/10/2001, Lê Diễm M, sinh ngày 11-01-2009, hiện cháu D đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu M đang ở cùng vợ chồng chị Đề nghị giao cháu M, cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị Tr là phù hợp với nguyện vọng của con.Về cấp dưỡng: chị Tr không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét.Về quan hệ tài sản chung: Chị Tr khai tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thùy Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Lê Hữu T1 cư trú tại Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh T1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy Tr thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Nguyễn Thùy Tr và anh Lê Hữu T1 tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 1999, có đăng ký kết hôn số 85 ngày 17/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị Tr và anh T1 là hợp pháp. Theo chị Tr khai trong thời gian sống chung, anh T1 mê rượu chè, trở thành người nghiện rượu, anh T1 hay uống rượu về chửi mắn đánh đập chị Tr nhiều lần, nên chị Tr xin ly hôn anh T1. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị Tr tại địa phương nơi anh T1 cư trú nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh T1 không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị Tr và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Tr được ly hôn anh T1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị Tr và anh T1 có 02 con chung tên là Lê Hồng D, sinh ngày 01/10/2001, Lê Diễm M, sinh ngày 11-01-2009, hiện cháu D đã trưởng thành, nên chị Tr không yêu cầu giải quyết, còn cháu M đang ở cùng vợ chồng chị. Nay ly hôn chị Tr xin nuôi cháu M, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị Tr là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và quy định pháp luật nên giao cháu M cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr khai tự thỏa thuận tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thùy Tr ly hôn anh Lê Hữu T1

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị Tr và anh T1 có 02 con chung tên là Lê Hồng D, sinh ngày 01/10/2001, Lê Diễm M, sinh ngày 11-01-2009, hiện cháu D đã

trưởng thành. Giao cháu M cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị Tr. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003062, ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
-UBND xã Ph1
(số 85 Ngày 17/11/2000)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa**

Đặng văn Thái **Nguyễn Thị Thu Hiền** **Trần Thị Bích Thủy**